

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 -2019.
“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**; ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1982. HKTT: Xóm M, thôn P, xã T, huyện C, Hà Nội. Hiện cư trú: thôn N, xã PN, huyện C, Hà Nội. Nghề nghiệp: Công nhân may. Có mặt.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1980. HKTT và cư trú: Xóm M, thôn P, xã T, huyện C, Hà Nội. Nghề nghiệp: Thợ mộc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tiến S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2004 tại UBND xã PN, huyện C, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại xã T, huyện C.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Những lần vợ chồng mâu thuẫn, chị đã 05 – 06 lần mang con bỏ đi, nhưng thương con nên chị lại quay về chung sống, tuy nhiên anh S vẫn không thay đổi; lần cuối cùng chị mang hai con đi chiều 30 tết năm 2018 (30/12/2018) do mâu thuẫn với anh S và áp lực với bố mẹ chồng, tối hôm đó thì bố chồng chị xuống đón các con chị về, còn chị không về cùng. Chị và anh S đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh S có đến đón chị về nhưng chị không về thì anh S bắt đầu sinh sự và đánh chị; anh S liên tục nhắn tin và có lời nói đe dọa đến tính mạng của chị.

Đến nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011, hiện nay chị không mang thai. Khi ly hôn chị muốn nuôi cả hai con, nếu không được nuôi hai con thì chị xin nuôi cháu T; cả hai con đều trình bày nguyện vọng ở với bố là do các cháu sợ bố và bà nội, nên không muốn gặp chị và không nói chuyện với chị.

Hiện nay chị đang đi làm may, thu nhập hơn 6.000.000 đồng/tháng và đang thuê nhà ở xã PN, nên nếu được nuôi con, chị vẫn có điều kiện để chăm sóc con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Nguyễn Tiến S trình bày trong bản tự khai và Biên bản hòa giải:** Anh và chị Nguyễn Thị X tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2004 tại UBND xã PN, huyện c, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có mâu thuẫn: Do tính chị X bướng bỉnh, anh góp ý nhưng không nghe. Do công việc khó khăn, hai năm gần đây anh không đưa được tiền cho chị X dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế và cũng anh cũng chưa chịu khó làm ăn. Anh thừa nhận, khi vợ chồng anh mâu thuẫn, anh có tát chị X, nhưng cũng là do tính cách của chị X, nên anh được quyền như vậy. Những lần vợ chồng mâu thuẫn, chị X lại bỏ đi, khoảng 05 lần. Tết năm 2018, do anh uống rượu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và chị X mang hai con bỏ đi. Thời gian ly thân, anh xuống đón nhưng chị X không về, nên anh nóng giận, có đánh chị X, nhưng chị X cũng đánh lại anh. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh biết được nơi chị X thuê nhà ở, nên đã cho con xuống thăm mẹ, thuyết phục chị X về nhưng chị X nhất quyết không về. Anh tự nhận thấy, anh không nghiện ngập cờ bạc, rượu chè, nên anh không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị X có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011. Hiện nay hai con đang

ở với anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị giải quyết được nuôi cả 02 con theo nguyện vọng của 02 con trong bản ghi nguyện vọng là đều ở với anh. Việc anh đề nghị được nuôi cả 02 con chung là đảm bảo cả điều kiện về chỗ ở là gia đình anh và việc đưa đón các con đi học. Việc chị X đề nghị được nuôi cả 02 con là không đảm bảo về chỗ ở, do phòng trọ của chị X thuê chỉ hơn 10m² và không đảm bảo việc đi học của các con. Nếu anh được nuôi hai con, anh yêu cầu chị X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh là 2.000.000 đồng/một cháu; anh không ngăn cấm chị X thăm nom hai con. Nếu mỗi vợ chồng nuôi một con thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang chung sống với bố mẹ đẻ tại xã T, huyện C và làm thợ mộc tại địa phương, thu nhập 300.000 đồng/ngày.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011 là đều muốn tiếp tục sinh sống với bố là Nguyễn Tiến S.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – anh S vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày trên; đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho X được ly hôn anh S. Về con chung: Đề nghị giao cháu H cho chị X, giao cháu T cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X, anh S đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Tiến S về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Nguyễn Tiến S hiện cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X kết hôn với anh Nguyễn Tiến S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2004 tại UBND xã PN, huyện C, Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị X và anh S thì thấy: Anh S và chị X mâu thuẫn nhau về tính cách, về kinh tế, dẫn đến chị X nhiều lần bỏ đi khi vợ chồng mâu thuẫn.

Anh S cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Trong phiên hòa giải tại Tòa án, giữa chị X và anh S cũng không tìm ra tiếng nói chung; mặt khác anh S lại có hành động đe dọa đến tính mạng chị X ngay tại Tòa án. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị X được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị X và anh S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011.

Xét nguyện vọng của chị X, anh S, cháu T, cháu H và điều kiện để nuôi dưỡng con chung của chị X, anh S thì thấy: Chị X hiện đang phải thuê nhà trọ tại thôn Nghĩa Hảo - xã PN- huyện C và đi làm công nhân tại Công ty TNHH S, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng; anh S đi làm thợ mộc, thu nhập 300.000 đồng/ngày và đang ở với bố mẹ đẻ nên cả hai đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Cháu T, cháu H đều có nguyện vọng ở với bố, nhưng do các cháu đều là con gái, nếu để anh S chăm sóc cả hai con thì không đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho các con; mặt khác việc chăm sóc con chung vừa là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ, anh S, chị X không thuộc

trường hợp bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58, 81, 82 giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008 cho anh S nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011 cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Chị X và anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Xét thấy chị X và anh S, mỗi người nuôi dưỡng một con, nên không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Tiến S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tiến S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011.

Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 31/10/2008 cho anh Nguyễn Tiến S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tiến S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tiến S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X và anh S cho đến khi có yêu cầu khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2015/0003898 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 27/3/2019.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./..

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã PN (Số 01/2004, ngày 28/01/2004);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai